

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O box 5435 Arlington V.A 22.205-0635 - U.S.A.

Tel. 703-560-0058

- Political prisoner Registration Form
 - IV/
 - VEWL
 - 1-171 - YES/No
 - Exit Permit Yes/No
- The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in Viet-Nam so that eligibility for U.S admission via the OEP.F can be established
- 1.- Applicant in Viet-Nam : HỒ MINH HUÂN
 - (Last) (Middle) (First)
- S.N. : 65/510443 Rank : Trung úy Quân chủng Phòng
- Previous occupation (before 1975) : Phòng & TK Hải quân các 4506
(Position) Phòng & Tiểu khu Sắt thép các 3835

- Date of birth : 20-8-1945 Place of birth : Xã Tân Hưng
- Current address : Ấp Nguyễn Hải Hải số 9/403 / Quận Chợ Lách Vĩnh Long
Bến Mỹ Phụng Khóm II Chi trấn Chợ Lách Bến Tre
- Pseudonym name : không

- 2.- Time spent in re-education camp :
 - Date from : 11-5-1975 To : 23-9-1981
 - (Sáu Years bốn Months mười hai Days)
 - (Time spent by forced residence : một Years) chín tháng
- 3.- Sponser's name : không
- 4.- Names of relatives/Acquaintance in the U.S. không
- Name - Address - Telephone - Relationship

- 5.- Name of principal applicant (N.A) Hồ Minh Huân
- Names of accompanying relatives dependent :

N.	Name	Date of birth	Place of birth	Relationship	Address
1	Nguyễn Thị Nhung	29-12-1947	Bến Bình	vợ	Ấp Tân Hưng xã Tân Hiệp huyện
2	Hồ Công Quốc	15-4-1971	Chi trấn Chợ Lách	con	Chợ Lách tỉnh Bến Tre.
3	Hồ Yến Phụng	1973	Chi trấn Chợ Lách	con	
4	Hồ Thụy Chân	1974	Chi trấn Chợ Lách	con	

- 6.- Additional information. Vì muốn làm lao động nặng, nên con tháng 5-1975

Chữ và họ tên khai lai năm 1975 2 họ:

- Hồ Minh Huân sinh 1941 thay vì 20-8-1945

- Nguyễn Thị Nhung sinh 1944 thay vì 29-12-1947

(Signature of Applicant)

nh
Hồ Minh Huân

GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Huấn-thị 650 - 401 ngày 1-9-67)

PHẦN I. ĐƠN XIN KẾT HÔN

1 - Họ tên Quân nhân xin kết hôn : HỒ MINH-HUÂN		2- Cấp bậc : Thiếu-Úy/TB	3 - Số-quân : 65/510. Lh3
4 - Ngày sinh : 20/08/1945	5 - Gia-cảnh : Độc-Thân	6- Thành phần QLVNCH CLQ ☒ ĐPQ ☐	7 - Đơn-vị : B C H/TKHN/P2
8 - Họ tên vị hôn thê (hoặc hôn phu) NGUYỄN-THỊ-THUẬN		9- Nghề-nghiệp : TH. C. MAY	
10 - Ngày sinh : 29/12/1947	11 - Gia-cảnh : Độc-Thân	12- Địa-chỉ : 19/4 Sơn-Dịnh, Chợ-Lách, Vĩnh-Long	
13 - Họ tên cha vị hôn thê (hoặc hôn phu) : TRẦN-QUYÊN-PHÚ		14- Họ tên mẹ vị hôn thê (hoặc hôn phu) : NGUYỄN-THỊ-THÁI	
15 - CAM KẾT : Tôi xin cam-kết hoàn-toàn chịu trách-nhiệm trong trường-hợp người phối-ngẫu của Tôi là Cô (hoặc Ông) NGUYỄN-THỊ-THUẬN trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương-hại đến nền an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn-thương đến danh-dự của QLVNCH. (Điều 191 Sắc luật số 13/CT/LĐQGQL/SL ngày 20-10-64 bắt buộc vợ người Quân-nhân phải từ bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quân-đội).			
16 - Làm tại KBC L.506 ngày 31/07/1970		18- Chữ ký của Quân-nhân xin kết hôn : Ký Tín	
17 - Nơi nhận CHT. KBC L.002/P.TQT			

PHẦN II. QUYẾT ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC CÓ THẨM QUYỀN

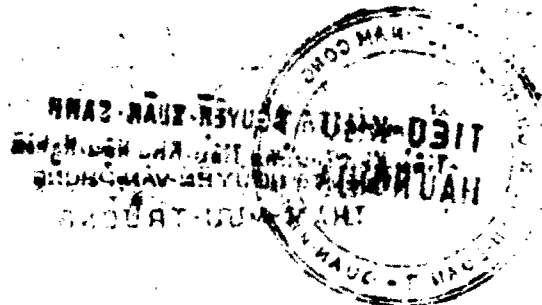
19 - Giấy phép kết hôn số : 12347/TTM/TQT.NSV.HTP KBC.L002 ngày 26/08/1970	
20 - QUYẾT-ĐỊNH CỦA CẤP CHỈ HUY HỮU-QUYỀN : Chấp-thuận đơn xin trên đây và lưu-ý quân-nhân được cấp phép kết hôn : - Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH. - Ngoài những hình-phạt về quân-kỷ, quân-nhân còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật nếu vi phạm luật Gia-đình (Sắc-luật số: 15/64 ngày 23-7-1964).	
21 - Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ và chữ ký của giới chức cấp phép kết hôn.	
NƠI-NHẬN : ATT QTTV/CH/AN KBC.6151 Số n/t h/t và tổng đạt D/s BTH.P.TQT(TTHCH) ĐQC.DTTP VINH LẠC Kèm h/s d/t vi phạm Lưu.	TL, Đại-Tướng CAO-VĂN-VIỆT Tham-Mu-Trưởng Q.L.V.N.C.H. TL, Trung-Tướng NGUYỄN-VĂN-MẠNH Tham-Mu-Trưởng Bộ T.T.M Thiếu-Tướng NGUYỄN-KUÂN-TRANG Tham-Mu-Phó Nhân-Viện (Ký tên và ấn dấu)

CHỈ DẪN

PHẦN I. Do quân nhân muốn lập gia-đình diện khuyết (5 bản nếu kết hôn với thường-dân và 7 bản nếu kết hôn với quân nhân) bằng máy đánh chữ các mục từ 1 đến 17 và ký tên vào mục 18. Nếu không có máy đánh chữ, có thể điền bằng bút mực nhưng phải viết theo lối chữ in. Tất cả các mục phải được ghi đầy đủ và sạch sẽ, nếu không nhân-viên nhận đơn sẽ hoãn trả để thiết lập lại.

- Họ tên (mục 1 và 8) : Ghi đúng theo khai sinh.
- Cấp bậc (mục 2) : Ghi ngạch bằng chữ tắt tiếp theo cấp bậc.
(thí dụ : Trung-úy TB - Trung-sĩ HD...)
- Số quân (mục 3) : Ghi đầy đủ số quân 8 số.
- Gia-cảnh (mục 5 và 11) : Ghi độc thân, góa vợ hoặc ly-dị (không cần ghi số con).
- Thành phần QLVNCH (mục 6) : Đánh dấu chéo (x) vào ô thích hợp.
- Nghề nghiệp (mục 9) : Ghi cấp bậc, nếu vị hôn thê hoặc hôn phu là quân nhân.
- Địa-chỉ (mục 12) : Phải ghi rõ ràng, để việc điều-tra kết hôn có thể xúc tiến và hoàn tất mau chóng.
- Nơi nhận (mục 17) : Ghi KBC của cơ quan hay đơn-vị có thẩm-quyền cấp phép kết hôn. Đối với đơn xin của Sĩ-quan, chuẩn-úy và quân nhân khác thuộc thẩm-quyền Bộ TTM, ghi KBC của Bộ TTM/Phòng TQT : 40.02/TQT.

PHẦN II. Dành cho cơ quan hoặc đơn-vị có thẩm quyền cấp phép kết hôn.



PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM VINH-LONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Xã Tân-Thiền (Vinh-Long)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1945
(Année)

SỐ HIỆU 69
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Lời cước:
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Do án nguyên đơn số 233, ngày
Sinh ngày nào (Date de naissance)	II.4.I957. Tòa Sơ-Thẩm Vinh-Long phán
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	ràng: HỒ-MINH-HUÂN , nam, sinh ngày 20
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	tháng 8 năm 1945, tại xã Tân-Thiền
Cha làm nghề gì (Sa profession)	tỉnh Vinh-Long, cha là Hồ-Văn-Lạc , mẹ
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	là Phạm-thị-Trần (chết)
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Vinh-Long , ngày 2.I.I962
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Chánh-lục-Sự
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Ký tên không rõ
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	%

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Giá tiền : 15 \$ 00
(Coût)

Biên-lai số **3983/10**
(Quittance N°)



10-10-1967

10-10-1967

BỘ NỘI VỤ
Trại QT Xuyên Mộc
Số : 999/QT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Công an - Chợ lách - Bến Tre .

-(()) 71ẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ công an
Thi hành quyết định tha số 57 ngày 28/8/1981 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây :

Họ và tên Hồ minh ~~huân~~ (Huân)
Sinh ngày 20/8/1948
Nơi sinh Vĩnh Long
Nơi ĐKNET trước khi bị bắt : Khóm 2 thị trấn Chợ lách Bến tre
Can tội Trung úy - Phân chi khu trưởng ngục .
Ngày bị bắt 11/5/1975 án phạt : TTQT
Theo quyết định số 149 ngày 22/8/1978 của Bộ nội vụ
Nay về cư trú tại : Trú quán trên - Quan chế 12 tháng .

/)/HAN XET QUA TRINH CAI TAO

Trong quá trình cải tạo xác định được tội lỗi bản thân gây ra có
số biểu hiện chịu cải tạo , chưa có biểu hiện gì xấu . Lao động
bảo đảm mức khoán ngày công được giao , học tập tiếp thu nhanh
thảo luận sôi nổi . Chấp hành nội quy kỷ luật trại chưa có gì sạt
phạm lớn . Cải tạo hằng năm đạt loại khá .

Đề nghị chính quyền địa phương tiếp tục giáo dục giúp đỡ .

Lấn tay ngón trỏ phải
Của : Hà minh ~~huân~~

Danh bản số :
Lập tại :



Họ tên chữ ký
Người được cấp giấy

Hà minh Huân

Hà minh Huân

/)/gày 28 tháng 9 năm 81
Giám thị



Trưng tá : Võ Cầm

FROM: Nguyễn Thị Hải
94/40⁸ Khóm II Chiếm Chở Lách
Bến Tre V.N.



NOV 21 1989

T 1501
9850

PAR AVION

TO: Mrs KHUC MINH THO
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635
U.S.A



BY AIR MAIL PAR AVION

CONTROL

12/4/89

☐	Card
☒	Doc. Request; Form
☐	Release Order
☐	Computer
☐	Form "D"
☐	ODF/Date
☐	Membership; Letter